

Số: H60/BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 đến ngày 07 tháng 5 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; ngày nắng nóng, có nơi nắng nóng gay gắt. Gió nhẹ. Nhiệt độ thấp nhất từ 25°C - 28°C, nhiệt độ cao nhất từ 34°C - 37°C, có nơi trên 37°C.

Dự báo tuần tới: Từ đêm 07 đến ngày 09/05: chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, riêng ngày 09/5 chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác; ngày nắng nóng, có nơi nắng nóng gay gắt. Từ đêm 09/05 đến ngày 17/05: có nắng nóng, có nơi nắng nóng gay gắt. Nhiệt độ trung bình từ: 29,0°C - 30,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 20 -50 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

STT	Vụ Hè thu 2024	
	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	2.041,0
2	Đẻ nhánh	917,0
3	Làm đòng	125,0
4	Trổ	-
5	Chín	-
6	Thu hoạch	-
	Tổng	3.083,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Hè thu 2024		2.007,4	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.068
- RALNN	Nhiều giai đoạn	417,7	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	134,0	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	101,0	Bắp	-	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	64,6	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	112,8	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.319,5
- RMN	Nhiều giai đoạn	534,4			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn						
			30/4	01/5	02/5	03/5	04/5	05/5	06/5
1	Củ Chi	Thái Mỹ	41	35	28	32	26	18	23
		Trung Lập Thượng	24	18	21	24	20	18	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	10-25			T1-5	HM
2	Bọ trĩ	3-6			T1-3	CC, HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC
4	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC, HM
5	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC
6	Đạo ôn	5-10%			C1-C3	HM, CC
7	Đốm vằn	10-15%			C1-C3	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12, TĐ
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM, Q12, BC
17	Ri trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ, HM, Q12, BC, BT
18	Đốm lá	5-10%			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM, CC

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 409,0 ha, tăng 48,5 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn với sinh vật hại chủ yếu là bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng và chuột ở mức nhiễm nhẹ.

- Bọ trĩ: Diện tích 97,6 ha, giảm 2,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Ốc brou vàng: Diện tích 197,0 ha, tăng 15,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Chuột: Diện tích 178,0 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau trong tuần qua 437,2 ha, tăng 33,7 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 258,3 lượt ha, chiếm 59,1% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, sâu tơ, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng và bệnh vàng lá. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 73,2 ha, tăng 3,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 37,1 ha, tăng 7,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 19,0 ha, giảm 0,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 18,1 ha, tăng 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Sâu tơ: Diện tích nhiễm 13,2 ha, tăng 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, thành phố Thủ Đức.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 207,8 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 11,6 ha, giảm 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh vàng lá: Diện tích 13,4 ha, tăng 2,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, thành phố Thủ Đức.

c) Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 28,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (26,2 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 28,0 lượt ha chiếm 97,4% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,6 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

+ Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,9 ha).

+ Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

d) Cây trồng khác

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu trên đồng đang ở tuổi 3 - tuổi 4 xuất hiện với mật số thấp. Chú ý thăm đồng thường xuyên, theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng để kịp thời đưa ra biện pháp quản lý. Khuyến cáo nông dân không phun phòng rầy nâu, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và ngăn dịch hại bộc phát vào giai đoạn sau. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2024 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi tình hình rầy vào đên, khí tượng thủy văn tại địa phương để xuống giống “né rầy”, hạn chế thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi gây ra.

- Ốc bươu vàng: gây hại trên lúa Hè Thu 2024 mới xuống giống <15 ngày sau sạ. Áp dụng các biện pháp như cắm cọc gỗ, canh cây, thả rau xuống ruộng nước đầu ruộng, ... để dẫn dụ ốc tập trung đến ăn và dễ trứng nhằm dễ dàng thu gom, tiêu hủy.

- Các loại sâu hại: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Cây trồng khác

Cây dứa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo dõi chặt chẽ diễn biến về thiên tai, thời tiết cực đoan, nhất là nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn; kiểm kê, nắm chắc thông tin về nguồn nước trên địa bàn để cập nhật phương án, kế hoạch phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn của địa phương phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2024 đối với diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Thực hiện tốt Công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.

- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (01).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **H60/BC-CCTTBVT**, ngày **09** tháng **5** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	0,3			0,3	-	-		HM
2	Bọ trĩ	97,6			97,6	100,5	93		CC, HM
3	Sâu phao	20,0			20,0	-	113		CC
4	Đạo ôn	7,1			7,1	-	12		HM, CC
5	Đóm vằn	9,0			9,0	-	14		CC
6	OBV	197,0			197,0	182	170		CC, HM
7	Chuồn	78,0			78,0	78	103		CC
	Tổng	409,0			409,0	360,5	505,0		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **H60/BC-CCTTBVTV**, ngày **02** tháng **5** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nặng	MT	Nhe-Tb		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Bọ nhảy	19,0			19,0	19,4	20,5	13,9	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	37,1			37,1	29,5	53,5	25,2	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	13,2			13,2	12,9	11,0	9,0	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	5,3			5,3	0,2	16,9	3,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	73,2			73,2	70,1	99,5	46,6	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	10,7			10,7	0,7	13,3	6,7	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	2,4	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	6,5			6,5	0,5	12,7	4,3	BC, HM, CC
10	Rầy xám	18,1			18,1	17,3	23,8	9,6	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	-			-	-	10,0	-	-
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,6	0,8	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	3,9			3,9	4,1	4,3	3,9	BC
15	OBV	207,8			207,8	207,8	208,6	109,7	TĐ, HM, Q12
16	Ôc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	5,1			5,1	4,9	4,6	2,8	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	11,6			11,6	12,4	24,4	8,2	TĐ, HM, Q12, BC, BT
19	Đóm lá	3,5			3,5	3,9	7,8	2,4	BC, HM, Q12
20	Phân vàng/dưa leo, khổ qua	0,6			0,6	0,3	1,8	0,4	HM
21	Vàng lá	13,4			13,4	11,4	7,5	8,4	TĐ, HM, CC
	Tổng	437,2			437,2	403,5	529,8	258,3	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG

(Kèm theo Báo cáo số: **160** /BC-CCTTBVTV, ngày **08** tháng **5** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		Kỳ trước	CKNT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	13,32			13,32	13,38	12,66	12,6	
1	Muối hại bông	4,04			4,04	4,07	5,32	3,9	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT,CG,Q7
2	Nhện đỏ	0,30			0,30	0,30	0,30	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,14			0,14	0,14	0,12	0,1	CC,BC
4	Bọ trĩ	0,80			0,80	0,80	0,57	0,7	CC,BC
5	Ốc sên	0,20			0,20	0,20	0,20	0,2	TĐ,CG
6	Đóm lá	3,41			3,41	3,51	2,46	3,2	TĐ, HM,Q12,CC,CG,Q7
7	Khô đầu lá	1,65			1,65	1,55	1,45	1,7	TĐ,CG,Q7
8	Thối nhũn	1,26			1,26	1,26	0,92	1,1	CC,BC,CG,Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,45	0,42	0,3	CC
10	Vàng lá	0,70			0,70	0,70	0,70	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,20			0,20	0,20	0,10	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,20			0,20	0,20	0,10	0,2	TĐ
II	Hoa mai	14,7			14,7	12,91	12,82	14,7	
1	Nhện đỏ	1,53			1,53	1,54	2,02	1,5	TĐ,HM,Q12,CG
2	Sâu ăn lá	4,87			4,87	4,67	3,50	4,9	TĐ,HM,Q12,CC,BC,CG
3	Bọ trĩ	3,45			3,45	2,24	2,87	3,5	TĐ,HM,Q12,CC,CG,BC
4	Sâu đục thân	0,01			0,01	0,01	0,05	0,0	HM
5	Rệp vảy	0,09			0,09	0,10	-	0,1	HM,Q12
6	Rầy xanh	1,80			1,80	1,80	0,80	1,8	BC
7	Cháy lá	-			-	-	1,13	-	-
8	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,4	CG
9	Nấm hồng	1,60			1,60	1,20	1,10	1,6	BC,BT
10	Rong rêu	1,00			1,00	1,00	1,00	1,0	TĐ
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,69	0,67	TĐ,CC,BC,BT,CG
	Tổng cộng	28,71			28,71	26,98	26,17	27,97	

CHI CỤC TRÔNG TRỘT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

